

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 23/4/2025
V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Trần Thị Bình Hải
 2. Bà Đặng Thị Hòa.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 21/2025/TLST- HNGĐ ngày 20/02/2025 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXX- ST ngày 24/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST - HNGĐ ngày 08/4/2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Q, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị Q vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Q trình bày: Chị Q và anh T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 13/12/2019. Sau khi kết hôn, chị Q và anh T về chung sống cùng gia đình anh T tại thôn P, xã N, huyện T một thời gian, sau đó hai vợ chồng vào trong Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay chị Q và anh T sống ly thân. Nay

xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Hải giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là Vũ Khôi N, sinh ngày 29/12/2020. Hiện tại con chung sống cùng chị Q. Sau khi ly hôn chị Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ: Không có. Chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2025, bà Phạm Thị L là mẹ đẻ anh Vũ Văn T trình bày: Anh T và chị Q tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 13/12/2019. Sau khi kết hôn chị Q và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm của bà mong muốn vợ chồng chị Q, anh Trung đoàn T1. Anh T đang làm ở trong Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về nhà cho gia đình bà. Bà L nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết việc chị Q xin ly hôn anh T tại Tòa án, tuy nhiên do điều kiện công việc nên anh T không về Tòa án làm việc được.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là Vũ Khôi N, sinh ngày 29/12/2020. Nếu chị Q và anh T ly hôn, bà L có nguyện vọng được nuôi con của chị Q, anh T và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không nắm được cụ thể.

Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2025, Ủy ban nhân dân xã N, huyện T cung cấp như sau: Chị Trịnh Thị Q và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 13/12/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Hiện tại chị Q và anh T đều không sinh sống tại địa phương. Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là Vũ Khôi N, sinh ngày 29/12/2020. Về tài sản chung, công nợ: Chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Chị Q và anh T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã N, huyện T. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị Q và anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật, không có lời khai và không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trịnh Thị Q được ly hôn với anh Vũ Văn T; về con chung: Giao con chung Vũ Khôi N, sinh ngày 29/12/2020 cho chị Trịnh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung

không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung: Không giải quyết. Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Trịnh Thị Q1 và anh Vũ Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Q và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 13/12/2019. Tại thời điểm kết hôn, chị Q và anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Q và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại chị Q và anh T không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Bị đơn là anh T đã được Tòa án giao, gửi Thông báo Thụ lý vụ án, Thông báo về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, bà L là mẹ đẻ anh T xác nhận anh T có biết việc chị Q có đơn xin ly hôn anh T, tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc, không có lời khai tại Tòa án. Như vậy, hôn nhân của chị Q và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là Vũ Khôi N, sinh ngày 29/12/2020. Hiện tại con chung đang sống cùng chị Q. Sau khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q. Bị đơn là anh T không có lời khai về việc ly hôn cũng như nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi chị Q và anh T không chung sống cùng nhau cho đến nay, cháu N sống cùng chị Q. Vì vậy, để đảm bảo cho việc sinh hoạt và học tập ổn định của cháu N. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Khôi N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

[2.3]. Về tài sản chung: Không giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Q được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Khôi N, sinh ngày 29/12/2020. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

Anh Vũ Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002895 ngày 20/02/2025.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Chu Thị Linh